MỐI QUAN HỆ GIỮA KHỞI NGHĨA HÙNG LĨNH VỚI PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở MIỀN TÂY THANH HÓA VÀ VÙNG SÔNG ĐÀ – TÂY BẮC CUỐI THẾ KỈ XIX

Vũ Quý Thu

Trường Đại học Hồng Đức (Thanh Hóa)

TÓM TẮT

Khởi nghĩa Hùng Lĩnh là một trong những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX ở Việt Nam. Phát khởi năm 1887 tại Hùng Lĩnh (Vĩnh Lộc), cuộc khởi nghĩa phát triển lên miền Tây tỉnh Thanh Hóa. Tiếp đó, khởi nghĩa Hùng Lĩnh đã phối hợp chiến đấu với các nghĩa quân vùng sông Đà, Tây Bắc của Nguyễn Quang Bích. Những năm tháng cuối cùng của nghĩa quân Hùng Lĩnh đã mở rộng liên hệ với nghĩa quân của Đốc Ngữ (Phú Thọ), Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước (Thanh Hóa) làm nên chiến thắng Mường Kỉ tháng 5 năm 1892.

Từ khóa: *khởi nghĩa Hùng Lĩnh, liên hệ, Tống Duy Tân*

*

Tống Duy Tân (1837-1892), đỗ cử nhân khoa Canh Ngọ (1870), đỗ tiến sĩ khoa Ất Hợi (1875), được phong Hàn lâm viện biên tu, giữ chức Thừa biện tại Bộ Hình. Năm 1876, ông làm phúc khảo trường thi Nam Định, sau đó giữ chức tri phủ Vĩnh Tường (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc). Năm 44 tuổi Tống Duy Tân giữ chức đốc học tỉnh Thanh, rồi được bổ nhiệm Chánh sứ sơn phòng Thanh Hóa. Tổ chức kháng chiến mà ông lập ra năm 1885 (thường gọi là khởi nghĩa Hùng Lĩnh) đã phát triển từ qui mô xã lên tỉnh (khởi đầu tại Bồng Trung, Đông Biện, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) sau đó phát triển lên miền Tây tỉnh Thanh Hóa, rồi liên kết về hai phía Nam Bắc với khởi nghĩa của Phan Đình Phùng và vùng sông Đà, Tây Bắc do Nguyễn Quang Bích lãnh đạo.

1. Về mối quan hệ giữa Tống Duy Tân (Thanh Hóa) với Nguyễn Quang Bích (Phú Thọ)

Theo nhà sử học Lê Văn Lan thì, các phong trào Tống Duy Tân, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật trực tiếp hay gián tiếp đều chịu ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Tiên Động, Nguyễn Quang Bích đã cử Nguyễn Thiện Thuật, Tống Duy Tân mở thêm căn cứ tại Hưng Yên, Thanh Hóa.

Sách *Khởi nghĩa Tiên Động* ghi: "Khi đó, cụ Hoàng rất đặc biệt quan tâm đến vùng Thanh – Nghệ, cho là đất phên dậu của mọi thời đại, nên đã khuyên Tống Tiên sinh trở về gây dựng lực lượng lâu dài. Tống Duy Tân nghe theo và sau này ông trở thành một thủ lĩnh xuất sắc vùng đất Thanh Hóa và vẫn thường có sợi dây liên lạc mật thiết với cụ Hoàng".

Ảnh hưởng của Nguyễn Quang Bích đối với Tống Duy Tân còn được thể hiện, khi nghe tin cụ mất, Tống Duy Tân đã có bài thơ khóc thật là thảm thiết:

Mười năm Tây Bắc cực muôn vàn,
Trương hổ phong lưu nổi tiếng khoan.
Một trụ chống trời danh vọng lớn,
Bốn bề rậy đất tiếng quân ran.
Nghe tên lũ giặc đà lạnh gáy.
Thấy mặt ai người chẳng vững gan.
Tin dữ khiến dòng thơ đẫm lệ,
Kinh châu tưởng nhớ đức ông hàn.

Tương truyền trước khi nhắm mắt (1890), các quần thần đến thăm viếng rất đông, cụ đề cử Tống Duy Tân sẽ là người đảm nhiệm vị trí thay mình chỉ đạo toàn bộ Bắc Kì và Đề Kiều chỉ huy mặt trận sông Thao – Đà. Tống Duy Tân đã làm tròn trách nhiệm như một người anh hùng lừng danh và không hổ thẹn khi gặp lại cụ nơi chín suối.

Trong thực tế, Tống Duy Tân đã trở thành một trong thủ lĩnh xuất sắc của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX ở Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung. Cuộc đời chiến đấu và khí tiết cao thượng vì nước, vì dân của Tống Duy Tân đã trở thành một tấm gương bất diệt. Người cùng thời có lời thơ khóc ông:

Bằng điếu thi cuồng hòa lệ tả,
Hữu công chi tử hữu sinh dân
(Thơ khóc ông viết bằng nước mắt
Cái chết của ông cứu sống dân).

Thất bại thảm hại trong âm mưu lôi kéo mua chuộc nhà yêu nước kiên trung, ngày 15-10-1892, địch đưa Tống Duy Tân ra chém tại tỉnh lị Thanh Hóa. Bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, từ sáng sớm nhân dân tỉnh lị Thanh Hóa và nhiều phủ huyện đã kéo tới tập trung tại nơi địch hành hình để vĩnh biệt Tống Duy Tân. Khi sắp bị chém, ông hướng về phía nhân dân lưu luyến vĩnh biệt, rồi đọc câu đối cho con cháu ghi lại lời tâm huyết cuối cùng của mình:

"Nhi kim thủy liễu tiền sinh trái,
Tự cổ do truyền bất tử danh.

Tạm dịch

(Đến nay mới trả xong nợ kiếp trước.
Từ xưa truyền cái tên không chết).

Nơi tưởng niệm tiến sĩ Tống Duy Tân ở thành phố Thanh Hoá

Khi đánh giá về Tống Duy Tân, từ những năm hai mươi của thế kỉ XX, Nguyễn Ái Quốc đã viết: *"Tống Duy Tân là một nhà đại trí thức đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp"* và Người cũng khẳng định: *"Tôi tôn kính tất cả những Tống Duy Tân... cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ bất diệt"* .

2. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh đã phối hợp chiến đấu với các nghĩa quân ngoài tỉnh, đặc biệt là nghĩa quân vùng sông Đà, Tây Bắc của Nguyễn Quang Bích

Khởi nghĩa Hùng Lĩnh là sự thống nhất của nhiều đội nghĩa quân ra đời ở hầu khắp các huyện vùng đồng bằng và miền núi tỉnh Thanh Hóa. Kế thừa và phát triển

khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Hùng Lĩnh đã mở ra giai đoạn phát triển mới của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Thanh Hóa cuối thế kỉ XIX. Tiếp theo khởi nghĩa Hùng Lĩnh, đồng bào các dân tộc ở miền Tây Thanh Hóa tiếp tục chiến đấu dưới sự chỉ huy của Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao, Hà Văn Nho kéo dài đến năm 1895.

Những hoạt động của nghĩa quân Hùng Lĩnh trong giai đoạn 1885-1887 đã góp phần làm phân tán lực lượng địch, cùng với những cánh quân khác tạo ra thế trận rộng khắp ngăn chặn không cho địch thực hiện nhanh chóng việc thiết lập chính quyền ở các địa phương tại Thanh Hóa. Nhưng từ sau khi Ba Đình - Mã Cao thất thủ, phong trào yêu nước chống Pháp ở Thanh Hóa gặp nhiều khó khăn. Sau những cuộc đàn áp đẫm máu của địch, lực lượng nghĩa quân trong tỉnh bị suy giảm, một số lãnh tụ hi sinh trong chiến đấu hay bị sa vào tay giặc...

Trong tình thế đó, Tống Duy Tân không thể duy trì những toán quân nhỏ của mình để đương đầu với địch. Nghĩa quân của ông thực hiện chiến thuật đánh du kích, lúc ẩn lúc hiện, trên địa bàn rộng lớn trong tỉnh Thanh. Mặt khác do sự đòi hỏi của phong trào, bằng bất cứ giá nào phải tìm mọi cách tăng cường lực lượng, chắp nối nhiều mối quan hệ với các phong trào ở hai miền Trung - Bắc. Với mục đích ấy, nghĩa quân Hùng Lĩnh tạm phân tán, còn Tống Duy Tân tìm đường ra Hà Đông rồi lên Sơn Tây vận động các văn thân và nhân dân ủng hộ phong trào đấu tranh ở Thanh Hóa. Địch lùng bắt ông nhưng không lần được tung tích vì tuy xa vùng căn cứ của mình ông vẫn luôn luôn được nhân dân hết lòng che chở. Thời gian ở ngoài Bắc, ông đã liên hệ với những thủ lĩnh nghĩa quân nổi tiếng như Nguyễn Đức Ngữ (Đốc Ngữ), Hoàng Văn Thúy (Đề Kiều). Lực lượng nghĩa quân Đề Kiều, Đốc Ngữ lúc bấy giờ đang phát triển mạnh. Họ đã kế thừa các phong trào đấu tranh của nhân dân và nghĩa quân Hưng Hóa, Sơn Tây dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước tiêu biểu như Nguyễn Quang Bích (nguyên Tuần phủ Hưng Hóa) và Nguyễn Văn Giáp (nguyên Bố chánh Sơn Tây). Sau khi Nguyễn Quang Bích mất, từ năm 1890 trở đi, Đề Kiều và Đốc Ngữ đã trở thành những lãnh tụ nổi tiếng của phong trào. Trong nhiều năm sau, Tống Duy Tân với tư cách là người được giao nhiệm vụ chỉ đạo cả hoạt động của nghĩa quân sông Đà vẫn giữ mối liên hệ với Đề Kiều, Đốc Ngữ.

Trong thực tế chiến đấu, nghĩa quân Hùng Lĩnh và nghĩa quân Đề Kiều đã giúp đỡ lẫn nhau về nhiều mặt thông qua con đường núi rừng từ Hòa Bình vào Thanh Hóa. Cuộc đấu tranh của đồng bào Mường ven sông Đà tạo nên cơ sở vững chắc cho sự liên lạc giữa các cuộc khởi nghĩa ấy. Họ vừa ủng hộ nghĩa quân Hùng Lĩnh, phong trào ở miền Tây Thanh Hóa vừa ủng hộ nghĩa quân Đề Kiều, và chính điều đó đã ngăn chặn thực dân Pháp tiến hành đàn áp nhanh chóng phong trào khởi nghĩa ở Thanh Hóa và ở vùng hạ lưu sông Đà, như chúng đã xác nhận: "Người ta đang hy vọng sớm thu được kết quả quan trọng trong công cuộc bình định, thì người Mường vùng sông Đà bị các Thượng thư của vua cũ Hàm Nghi thúc đẩy nổi dậy, vừa ủng hộ bọn phiến loạn (tức nghĩa quân - TG) tỉnh Thanh Hóa, vừa ủng hộ nghĩa quân Đề Kiều".

Đối với phong trào các tỉnh miền Trung, Tống Duy Tân cũng tìm cách liên hệ phối hợp hoạt động với nghĩa quân Phan

Đình Phùng. Chính giữa lúc Tống Duy Tân, Cao Điển đang ra sức củng cố, tăng cường lực lượng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang trong những năm 1889-1890, thì cũng là lúc Phan Đình Phùng, sau một thời gian ra Bắc vận động văn thân, sĩ phu và nhân dân nổi dậy khởi nghĩa phối hợp với nhân dân các tỉnh miền Trung chống Pháp, trở về Hà Tĩnh hợp sức với Cao Thắng đưa phong trào kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn.

Vươn xa hơn nữa, Tống Duy Tân đã chú ý tới phong trào nông dân Yên Thế. Tuy hai đội nghĩa quân Hùng Lĩnh và Yên Thế chưa có đủ điều kiện phối hợp lực lượng chiến đấu, nhưng hai phong trào đã có liên hệ với nhau. "Năm 1892, Tống Duy Tân đã lấy danh nghĩa Tán tương quân vụ Bắc Kì thay mặt vua Hàm Nghi ban cho Thân Văn Phúc người cộng sự của Hoàng Hoa Thám chức Tán tương quân vụ Bắc thứ ".

Những hoạt động của Tống Duy Tân trong việc mở rộng, phối hợp với các đạo nghĩa quân khác mà tiêu biểu ở lưu vực sông Đà, Yên Thế cũng như những cố gắng tại chỗ của Cao Điển, chính là sự chuẩn bị tích cực cho giai đoạn xây dựng và chiến đấu sôi nổi, mạnh mẽ những năm 1889-1890 sau đó.

3. Những năm tháng cuối cùng của nghĩa quân Hùng Lĩnh đã phối hợp với nghĩa quân miền Tây tỉnh Thanh, liên hệ, mở rộng với nghĩa quân ngoài Bắc làm nên chiến thắng Mường Kỉ (1892)

Kể từ đầu năm 1890, quân Pháp dồn sức tiêu diệt kì được nghĩa quân Hùng Lĩnh, nhưng trên thực tế, nghĩa quân đã làm nên những chiến thắng vang dội, chủ yếu là các trận đánh tại Nông Cống. Từ sau trận đánh vào đồn Thị Long, nghĩa quân ngày càng bị Pháp truy đuổi, lùng sục. Tuy vậy, vẫn với chiến thuật lúc ẩn, lúc hiện, nghĩa quân Hùng Lĩnh đã lấy làng xã làm chỗ dựa, tận dụng địa hình địa vật tự nhiên và các cứ điểm cũ ở các huyện từ ngày dấy nghĩa Cần Vương để tiếp tục chiến đấu với giặc pháp. Đây cũng là thời kì nghĩa quân kết hợp mạnh mẽ với phong trào miền tây tỉnh Thanh Hóa, liên hệ, mở rộng ra ngoài tỉnh

Ngày 29-3-1890, công sứ Boulloche mới lên thay Le Brun kéo quân lên tấn công cứ điểm mới của nghĩa quân Hùng Lĩnh tại Yên Lãng (Xuân Yên, Thọ Xuân) với âm mưu tiêu diệt nghĩa quân.

Dự đoán quân địch một sớm một chiều sẽ kéo lên, Tống Duy Tân và Cao Điển đã huy động nghĩa quân và nhân dân đắp một lũy đất dọc theo bờ sông Chu đề phòng giữ mặt Đông - Nam của cứ điểm. Trong làng cũng đào nhiều hào giao thông và công sự tác chiến sẵn sàng đối phó.

Khi quân địch kéo tới cứ điểm, nghĩa quân đã sử dụng lũy đất và dòng sông Chu làm chướng ngại vật nổ súng chống trả rất ác liệt. Dưới sự chỉ huy của Cao Điển, nghĩa quân ra sức chặn đánh, cắt xé các toán quân địch không cho chúng trên bộ dưới sông phối hợp với nhau. Trong tình thế khó khăn đó, địch không đủ sức kéo dài trận đánh, đành phải rút quân.

Sau trận phản công thắng lợi tại Yên Lãng, nghĩa quân lại chuyển lên phía Tây huyện Thọ Xuân, lập căn cứ mới tại Phúc Sơn. Mãi tới ngày 16 tháng 4 giặc Pháp mới kéo tới đây. Nghĩa quân chống trả rất mạnh các đợt xung phong của địch trong vòng hơn một giờ, sau đó chủ động rút khỏi công sự, chuyển sang cứ điểm Thung Khoai

là một vị trí trong hệ thống cứ điểm Mã Cao để hoạt động.

Tại cứ điểm mới, họ củng cố lại công sự trên những khu đất cao trong vùng lòng chảo, chung quanh có đồi núi và cây cối rậm rạp che khuất, ở những khu ruộng lầy tiếp giáp công sự đều cắm chông dày đặc.

Chiều 29 tháng 5, thanh tra Boudon trên đường kéo quân lên đã bị nghĩa quân mai phục tấn công. Địch biết cứ điểm Thung Khoai được phòng thủ rất kiên cố nên đã tổ chức mũi tấn công chính kết hợp với các mũi phụ bảo vệ hai bên sườn và một mũi dự bị đề phòng quân ta đánh tập hậu. Nhưng cứ mỗi lần xông lên, gần công sự, chúng lại bị bãi chông cản đường, làm chậm bước tiến. Đúng vào lúc đó thì những loạt đạn chính xác của nghĩa quân từ công sự bắn ra làm cho lính địch và sĩ quan bị thương và chết khá đông. Suốt ba giờ liền (từ 16 đến 19 giờ) địch liều chết tung quân mở nhiều đợt tấn công nhưng vẫn không phá vỡ nổi thế trận của nghĩa quân, cuối cùng phải rút về Yên Lược.

Ngày 31 tháng 5, sau khi có viện binh, địch lại tổ chức một trận đánh lớn vào cứ điểm Thung Khoai. Lần này chúng cũng vấp phải sức chiến đấu rất quyết liệt của nghĩa quân. Ngay sau đó Tống Duy Tân và Cao Điển mở đường đưa phần lớn nghĩa quân theo đường sông Chu ngược lên vùng Cửa Đạt thuộc châu Thường Xuân là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Cầm Bá Thước.

Vào đầu tháng 10 năm 1890, Boudon cùng với giám binh Viala và Arnoux dẫn quân lên Thường Xuân. Lúc này nghĩa quân không thể trụ tại một địa điểm cố định trước vì sự truy kích ác liệt của kẻ thù nhằm tách họ khỏi đội nghĩa quân Cầm Bá Thước đang đóng trong vùng Trịnh Vạn. Địch có âm mưu dập tắt khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Để đối phó lại, suốt hai năm 1891-1892, nghĩa quân Hùng Lĩnh phải chiến đấu lưu động trên một địa bàn rộng lớn, từ Thọ Xuân sang Nông Cống, rồi lên đến Thiệu Hóa, Yên Định, Vĩnh Lộc, và cuối cùng là vùng núi Thường Xuân, Ngọc Lặc, Lang Chánh. Trên bước đường chiến đấu đầy gian khổ này, nhiều thủ lĩnh và nghĩa quân bị bắt, có người hy sinh, nhưng họ không chịu khuất phục bè lũ cướp nước và bán nước. Tiêu biểu như Nguyễn Quý Yêm bị bắt ngày 14-3-1891 cho đến lúc kẻ thù đem ra pháp trường xử tử thái độ vẫn hiên ngang bất khuất làm cho người đương thời vô cùng cảm kích và ái mộ:

"Hứa quốc trì khu cảm cố thân,
Đan thanh bất tử thị tinh thần"
(Vì nước xông pha xá kể mình,
Tinh thần lưu mãi nét đan thanh).

Trong tình thế bị địch bao vây, o ép ráo riết, lực lượng chiến đấu bị giảm sút, vũ khí và binh lương ngày càng hao hụt, Tống Duy Tân và Cao Điển bàn với các tướng lĩnh tạm thời phân tán về các địa phương, vũ khí binh lương phần lớn chuyển giao cho Cầm Bá Thước, chỉ dẫn một toán quân nhỏ luồn rừng sang châu Quan Hóa về Mường Kỉ (tức Nhân kỉ, nay thuộc hai xã Kì Tân và Văn Nho, huyện Bá Thước) để thoát vòng vây hãm của địch, sau đó tìm cách xây dựng lại phong trào. Dưới sự che chở của đồng bào Thái - Mường, nghĩa quân Hùng Lĩnh được bảo vệ. Nhân dân các dân tộc đã không ngần ngại đóng góp sức người, sức của cho phong trào, tự nguyện biến quê hương của mình thành chiến trường đánh giặc.

Sau khi tạm lánh về Mường Kỉ, nghĩa quân Hùng Lĩnh tăng cường và mở rộng mối liên hệ với các địa phương và phong trào ngoài tỉnh, như các phong trào Phan Đình Phùng (Nghệ An), Đốc Ngữ tức Nguyễn Đức Ngữ (Hưng Hóa), Hoàng Hoa Thám (Bắc Giang). Lúc này, tuy vua Hàm Nghi bị địch bắt đi đày từ 1888, những người chịu trách nhiệm đối với phong trào bấy giờ vẫn lấy danh nghĩa nhà vua trẻ tuổi yêu nước chống Pháp để phong cho Tống Duy Tân chức Tổng thống quân vụ phụ trách toàn bộ phong trào xứ Bắc Kì. Đồng thời cũng phong cho Đốc Ngữ làm Phó tướng đạo Hà - Ninh (tức Hà Nội – Ninh Bình – TG) và Đề Kiều sung chức Phó tướng đạo Tam Tuyên (tức Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang- TG), cả hai người đều đặt dưới quyền điều động trực tiếp của Tống Duy Tân.

Để thoát khỏi tình trạng trên, Tống Duy Tân cử người ra vùng sông Đà tìm bắt liên lạc với Đốc Ngữ, sang Lào tìm toán quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc. Mùa xuân 1891, theo thoả thuận giữa 3 lực lượng chống Pháp của Tống Duy Tân, Hà Văn Nho và quân Cờ Đen diễn ra tại thôn Giáp Hạ (Piềng Đồn), Tống Duy Tân chuyển vào Hang Cá (xã Văn Nho), quân Cờ Đen đóng ở Rừng Trẩu, mở lò rèn, đúc súng kíp (tối tân hơn hỏa mai), trang bị cho cả dân binh. Còn nhân dân tổng Thiết Úng ra sức chuẩn bị đủ gạo để chờ đón quân Đốc Ngữ.

Về phía quân Đốc Ngữ, sau nhiều trận thắng lớn, vào trung tuần tháng tư 1892, đã bị quân Pháp do Pennequin chỉ huy từ Hưng Hóa, Vạn Yên, Chợ Bờ, Sơn La tấn công quyết liệt. Thấy không thể chọc thủng phòng tuyến quân Pháp để vượt qua sông, nghĩa quân đã di chuyển về phía Nam. Ngày 18 tháng Tư, khoảng một nửa số quân, gồm khoảng 300 người tới Sơn Nưa để về Thanh Hóa qua đèo Phú Lễ. Đốc Ngữ cho quân vượt qua sông vào sáng ngày 23 tháng Tư, lúc đó Pennequin chỉ cách ông khoảng nửa giờ đường, do không săn đuổi được mục tiêu Pennequin lại phân tán lực lượng thành các đơn vị nhỏ quay trở lại Hưng Hóa. Cuộc truy lùng nghĩa quân Đốc Ngữ của Pháp đã thất bại. Tại Mường Kỉ nghĩa quân đã sẵn sàng đón tiếp đội quân Đốc Ngữ.

Ngày15-5-1892, được tin Đốc Ngữ đã có mặt tại Thanh Hóa, Pennequin cấp tốc vượt sông Mã vào đêm hôm sau, ngày 16-5-1892, ông ta tới Niên Kỉ và trận chiến diễn ra ác liệt tại Mường Kỉ.

Nghĩa quân Thanh Hóa lúc bấy giờ đã phối hợp với quân Đốc Ngữ mở cuộc tấn công để tiêu diệt địch. Để chủ động chiến đấu, bộ chỉ huy đã bố trí một nghĩa binh tin cậy là Đạo Ấm, giả vờ chịu nhục hình, trá hàng. Giặc tin, huy động một lực lượng hỗn hợp, cả Pháp và ngụy binh đông hàng trăm tên, do Pennequin chỉ huy, từ đồn La Hán kéo vào Mường Kỉ. Tại đầm lầy Ma Háng giữa cánh đồng thôn Niên Kỉ có một con đường độc đạo đi qua, bên cạnh đó có một gò đất cao, chôn nhiều bia đá trên các mộ cổ, liên quân Mường Kỉ phục sẵn tại đó. Khi quân địch đến gần nghĩa quân mới nổ súng, quân giặc chạy tán loạn, sa xuống đầm lầy. Hầu hết lính Pháp bị chết hoặc bị thương. Theo thú nhận của quân Pháp, trong trận này "quân Pháp bị mất mát nặng nề, 9 bị giết, 11 bị thương, 4 mất tích (sau đó báo cáo đã chết)".

Sau trận này, cả Pennequin và Đốc Ngữ đều chuyển sang phía Bắc sông Mã. Đốc Ngữ vượt qua đèo Phú Lễ tới Mỏ Chà, rồi tới Thảm Sơn bên kia sông Đà.

Như vậy, tại Mường Kỉ, nghĩa quân Hùng Lĩnh đã phối hợp với nghĩa quân Đốc Ngữ và các lực lượng của nghĩa quân Hà Văn Mao, Hà Văn Nho, Cầm Bá Thước làm nên chiến thắng Mường Kỉ tháng 5 năm 1892.

Sau chiến thắng Mường Kỉ, nghĩa quân Đốc Ngữ lại trở ra Bắc, còn nghĩa quân Hùng Lĩnh thì phân tán lực lượng trong vùng đồng bào dân tộc ít người miền Tây Thanh Hóa. Trận thắng của liên quân nói trên làm nức lòng nhân dân khắp vùng gần xa. Điều đó cũng chứng tỏ sự phối hợp chặt chẽ của các nghĩa quân miền Tây Thanh Hóa với nghĩa quân vùng sông Đà, Tây Bắc.

4. Vài nhận xét thay lời kết

Cuộc khởi nghĩa Tiên Động của Nguyễn Quang Bích nổ ra đầu năm 1884, trước khi có phong trào Cần Vương là biểu hiện sáng chói của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Ở giai đoạn 1884-1890, qui mô tiếng vang của cuộc khởi nghĩa đã hội tụ được nhiều văn thân nghĩa sĩ và có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp với các phong trào của Tống Duy Tân, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, trong đó Tống Duy Tân sau khi từ Tiên Động trở về đã lấy quê hương ông phát động cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Ở giai đoạn từ 1890 đến 1892, Tống Duy Tân với chức Tổng thống quân vụ phụ trách toàn bộ phong trào xứ Bắc Kì. Đồng thời cũng phong cho Đốc Ngữ làm Phó tướng đạo Hà - Ninh (tức Hà Nội - Ninh Bình) và Đề Kiều sung chức Phó tướng đạo Tam Tuyên (tức Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang - TG), cả hai người đều đặt dưới quyền điều động trực tiếp của Tống Duy Tân thì hoạt động phối hợp ngày càng chặt chẽ hơn mà đỉnh cao là chiến thắng Mường Kỉ (1892). Tống Duy Tân đã làm tròn trách nhiệm như một người anh hùng lừng danh và không hổ thẹn khi "gặp lại" Nguyễn Quang Bích nơi chín suối.

Suốt hơn một thập kỉ (1885-1895) cầm quân, Cầm Bá Thước cùng các thủ lĩnh Hà Văn Mao, Hà Văn Nho... đã chiến đấu kiên cường vì cuộc sống của bản làng và đồng bào các dân tộc, vì độc lập tự do của Tổ quốc. Trong cuộc chiến đấu đầy đau thương mất mát, có lúc những người trong gia đình bị bắt trói, đánh đập, giết hại, nhưng các thủ lĩnh yêu nước đã biến đau thương thành hành động cứu nước. Đến phút cuối cùng, kẻ địch hòng lấy chức quyền, vật chất để dụ dỗ, mua chuộc, nhưng các ông đều kiên quyết từ chối.

Xuất phát từ mục tiêu chung, trong những ngày tháng cuối cùng nhiều thủ lĩnh ở Thanh Hóa đã liên kết với các đội quân ở các địa bàn lân cận, nhất là với các cánh quân của Đốc Ngữ, quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc... ở vùng ven sông Đà nhằm mở rộng phạm vi hoạt động, củng cố sức mạnh của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nhân dân các dân tộc miền núi Thanh Hóa (Mường, Thái, Dao) đã có mặt trong hàng ngũ nghĩa quân Ba Đình, Hùng Lĩnh và là lực lượng kháng chiến chủ yếu khi phong trào chuyển lên miền núi Thanh Hóa. Sự tham gia của các dân tộc thiểu số là một trong những yếu tố căn bản để duy trì phong trào, đồng thời thể hiện vai trò của nhân dân các dân tộc ít người trong phong trào kháng chiến chống Pháp cuối

thế kỉ XIX. Đây cũng là bằng chứng sinh động thể hiện tinh thần yêu nước, sự gắn bó đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân miền núi Thanh Hóa, vùng sông Đà, Tây Bắc trước nạn ngoại xâm.

*

THE RELATION OF HUNG LINH UPRISING WITH PATRIOTIC MOVEMENTS AGAINST FRENCH COLONISTS IN WESTERN THANH HOA PROVINCE AND IN DA RIVER AREA – NORTHERN WEST IN LATE 19TH CENTURY

Vu Quy Thu

Hong Duc University

ABSTRACT

Hung Linh uprising is one of the typical uprisings of Can Vuong movements against French Colonists at the end of 19th century in Vietnam. Starting in 1887 at Hung Linh (Vinh Loc), the uprising spread to Western Thanh Hoa province. Following that, Hung Linh uprising cooperated with the resistance fighters from Đa river, Northern West area lead by Nguyen Quang Bich to fight. The last years, Hung Linh patriots extended the relation with Doc Ngu (Phu Tho), Ha Van Mao, Cam Ba Thuoc (Thanh Hoa province)'s resistance force to gain Muong Ky victory in May 1892.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nina S. ADAMS (1978), *Kết quả bình định: Thanh Hóa dưới chế độ thực dân Pháp (1858-1908)*, luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Yale (Hoa Kì), bản dịch đánh vi tính, Thư viện Trường Đại học Hồng Đức.

[2]. Đinh Xuân Lâm, Trịnh Nhu, Đặng Huy Vận (1985), *Từ Ba Đình đến Hùng Lĩnh,* Nxb Thanh Hóa.

[3]. Trần Dân Tiên (1976), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* NXB Sự Thật.

[4]. Vũ Khiêu và nnk (2009), *Khởi nghĩa Tiên Động*, NXB Văn hóa Thông tin.

[5]. Vũ Quý Thu (2007*), Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hóa 1885 – 1895,* NXB Khoa học Xã hội.